

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /QĐ-VKSHP

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

**Về tình hình thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024
của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng**

Kính gửi: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/ 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính



I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

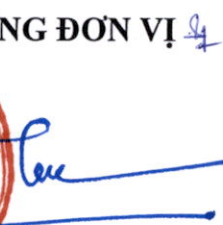
- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 16 đơn vị

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc						
1	VKSND TP Hải Phòng	x		x		x	
2	VKSND huyện An Dương	x		x		x	

3	VKSND quận Hải An	x		x		x	
4	VKSND quận Hồng Bàng	x		x		x	
5	VKSND quận Kiến An	x		x		x	
6	VKSND quận Lê Chân	x		x		x	
7	VKSND quận Dương Kinh	x		x		x	
8	VKSND huyện Cát Hải	x		x		x	
9	VKSND quận Đồ Sơn	x		x		x	
10	VKSND huyện Thủy Nguyên	x		x		x	
11	VKSND huyện Tiên Lãng	x		x		x	
12	VKSND huyện Vĩnh Bảo	x		x		x	
13	VKSND huyện An Lão	x		x		x	
14	VKSND quận Ngô Quyền	x		x		x	
15	VKSND huyện Kiến Thụy	x		x		x	
16	VKSND huyện Bạch Long Vĩ	x		x		x	

Nơi nhận:

- Cục 3 - VKSTC (để báo cáo);
- Các đơn vị dự toán trực thuộc;
- Trang tin TT điện tử VKSHP;
- Lưu: VT, kế toán.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 



Vũ Mạnh Hùng



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-VKSHP ngày 30/6/2025 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Lệ phí tuyển dụng công chức		
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	81.010.731.879	81.010.731.879
1	Chi quản lý hành chính	78.666.400.000	78.666.400.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	73.851.100.000	73.851.100.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.815.300.000	4.815.300.000
2	Chi nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	363.800.000	363.800.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	363.800.000	363.800.000
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	363.800.000	363.800.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
4	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
5	Tài chính và khác	1.980.531.879	1.980.531.879
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.980.531.879	1.980.531.879

CAT NHẢY

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		VKSND TP Hải Phòng	VKSND quận Hồng Bàng	VKSND quận Ngô Quyền
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí tuyển dụng công chức			
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	32.893.323.874	3.497.878.195	4.369.328.014
1	Chi quản lý hành chính	30.926.791.995	3.397.878.195	4.369.328.014
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	27.910.191.995	3.259.778.195	4.191.328.014
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.016.600.000	138.100.000	178.000.000
2	Chi nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	363.800.000		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	363.800.000		
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	363.800.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi bảo đảm xã hội			
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
5	Tài chính và khác	1.602.731.879	100.000.000	0
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.602.731.879	100.000.000	

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		VKSND quận Lê Chân	VKSND quận Hải An	VKSND quận Kiến An
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí tuyển dụng công chức			
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.155.700.943	4.114.826.483	3.415.564.973
1	Chi quản lý hành chính	5.155.700.943	4.064.826.483	3.415.564.973
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.955.600.943	3.918.126.483	3.289.264.973
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	200.100.000	146.700.000	126.300.000
2	Chi nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	- <i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>			
	- <i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi bảo đảm xã hội			
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
5	Tài chính và khác	0	50.000.000	0
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		50.000.000	

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		VKSND quận Dương Kinh	VKSND quận Đồ Sơn	VKSND huyện An Dương
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí tuyển dụng công chức			
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.502.253.345	2.391.829.781	3.704.120.509
1	Chi quản lý hành chính	2.502.253.345	2.391.829.781	3.704.120.509
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.412.553.345	2.302.529.781	3.564.220.509
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	89.700.000	89.300.000	139.900.000
2	Chi nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi bảo đảm xã hội			
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
5	Tài chính và khác		0	
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		VKSND huyện An Lão	VKSND huyện Kiến Thụy	VKSND Thủy Nguyên
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí tuyển dụng công chức			
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.758.093.642	2.849.125.049	4.936.766.267
1	Chi quản lý hành chính	2.758.093.642	2.671.325.049	4.936.766.267
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.657.393.642	2.573.025.049	4.732.366.267
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	100.700.000	98.300.000	204.400.000
2	Chi nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi bảo đảm xã hội			
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
5	Tài chính và khác		177.800.000	0
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		177.800.000	

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc			
		VKSND huyện Tiên Lãng	VKSND huyện Vĩnh Bảo	VKSND huyện Cát Hải	VKSND h. Bạch Long Vĩ
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí tuyển dụng công chức				
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.468.776.249	2.709.833.183	1.826.896.168	1.416.415.204
1	Chi quản lý hành chính	2.468.776.249	2.659.833.183	1.826.896.168	1.416.415.204
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.378.176.249	2.559.133.183	1.765.596.168	1.381.815.204
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	90.600.000	100.700.000	61.300.000	34.600.000
2	Chi nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi bảo đảm xã hội				
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
5	Tài chính và khác	0	50.000.000	0	0
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		50.000.000		

Mã chương: 004

Đơn vị báo cáo: Viện kiểm sát ND TP Hải Phòng

Mã ĐVQHNS: 1002006

BÁO CÁO THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-VKSHP ngày 30/6/2025 của Viện trưởng VKSND thành phố Hải Phòng)

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có 16 đơn vị dự toán cấp III, bao gồm: Văn phòng Viện kiểm sát thành phố và 15 đơn vị Viện kiểm sát quận, huyện trực thuộc.

1. Tình hình người lao động

1.1. Về biên chế

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-VKSTC ngày 20/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho VKSND thành phố Hải Phòng là 291 người, thực hiện Năm 2024: 285 biên chế, còn thiếu 06 biên chế chưa tuyển.

1.2. Về hợp đồng lao động

Năm 2024, đơn vị có 55 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP làm công việc lái xe ô tô, bảo vệ, tạp vụ.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

2.1 Dự toán ngân sách nhà nước được giao

- Tổng số kinh phí quản lý hành chính được giao: 80.230.200.000 đồng

Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện tự chủ: 73.851.100.000 đồng

+ Kinh phí không thực hiện tự chủ: 6.015.300.000 đồng

- Kinh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 363.800.000 đồng.

Căn cứ dự toán được VKSND tối cao giao và các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức hiện hành của nhà nước, nhiệm vụ trong năm, các nhiệm vụ đặc thù của Ngành, các nhiệm vụ phát sinh, VKSND thành phố thực hiện Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân, đơn vị đã thực hiện phân bổ dự toán cho các đơn vị Viện kiểm sát quận, huyện đảm bảo công bằng nguồn kinh phí giữa các đơn vị có biên chế ít và biên chế nhiều, phù hợp với khối lượng công việc, đặc điểm vùng miền của từng đơn vị nhưng vẫn đảm bảo theo quy định và công khai theo quy định đúng tổng số nguồn kinh phí được VKSND tối cao giao. Đối với

khoản chi tiền thưởng thi đua theo phân cấp (1% quỹ tiền lương) được giữ lại ở Văn phòng VKSND thành phố để chi chung cho VKSND hai cấp.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán VKSND tối cao giao	Dự toán đã phân bổ trong năm	Kinh phí được quyết toán	Tỷ lệ % QT/DT
	Tổng cộng	80.230.200.000	80.230.200.000	79.030.200.000	98,5
I	Kinh phí Quản lý nhà nước (L 340-K 341)	79.866.400.000	79.866.400.000	78.666.400.000	98,5
1	Kinh phí QLHC thực hiện chế độ tự chủ	73.851.100.000	73.851.100.000	73.851.100.000	98,4
2	Kinh phí QLHC không thực hiện chế độ tự chủ	6.015.300.000	6.015.300.000	4.815.300.000	80,0
	KP chi nhiệm vụ đặc thù khác	1.160.000.000	1.160.000.000	1.160.000.000	100,0
	Kinh phí trang phục	1.767.600.000	1.767.600.000	1.767.600.000	100,0
	KP sửa chữa, bảo trì trụ sở	1.200.000.000	1.200.000.000		0
	Kinh phí chế độ tiền thưởng	1.592.200.000	1.592.200.000	1.592.200.000	100,0
	Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng	95.500.000	95.500.000	95.500.000	100,0
	KP hỗ trợ công tác kiểm sát trại giam	200.000.000	200.000.000	200.000.000	100,0
II	KP đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (L 070 - K 085)	363.800.000	363.800.000	363.800.000	100,0
1	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	363.800.000	363.800.000	363.800.000	100,0

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

Năm ngân sách 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng cơ bản thực hiện đúng nhiệm vụ chi trong năm. Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 98,5%, lý do, dự toán chuyển sang năm sau là 1.200.000.000 đồng là kinh phí bảo trì, sửa chữa.

2. Nguồn Ngân sách nhà nước trong nước

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Tổng dự toán được giao trong năm: 80.230.200.000 đồng. Trong đó:
 - + Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 73.851.100.000 đồng;
 - + Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 6.015.300.000 đồng;
 - + Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 363.800.000 đồng

- Kinh phí quyết toán: 79.030.200.000 đồng. Trong đó:
- + *Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 73.851.100.000 đồng;*
- + *Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 4.815.300.000 đồng.*
- + *Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 363.800.000 đồng*
- Dự toán chuyển sang năm sau: 1.200.000.0000 đồng.
- *Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 1.200.000.000 đồng.*
(*Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở*)

II. Thuyết minh khác

1. Chi phí tiền lương năm 2024: 58.359.094.658 đồng
 - + *Chi tiền lương của biên chế: 53.359.094.658 đồng*
 - + *Chi tiền lương của hợp đồng lao động theo NĐ 111/2022: 4.502.491.297 đồng.*
2. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm 2024: 7.672.226.728 đồng, sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 7.672.226.728 đồng để chi:
 - Thu nhập tăng thêm: 2.263.694.709 đồng
 - Phúc lợi tập thể: 3.469.648.850 đồng
 - Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 1.938.883.169 đồng.

